

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số #sovb/STC-ĐT ngày #nbh/6/2024 của Sở Tài chính Quảng Nam)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Dư nợ đầu kỳ (ngày 01 tháng 01)	Vay trong kỳ	Trả nợ trong năm			Dư nợ cuối kỳ □
				Gốc	Lãi/phí	Tổng	
a	b	1	2	3	4	5	6=1+2-3
	Tổng số :	985.865.416.675	177.497.775.238	63.313.871.000	9.290.316.119	72.604.187.119	1.100.049.320.913
I	Vay phát hành trái phiếu chính quyền địa phương						
II	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước						
III	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng						
IV	Vay lại vốn vay nước ngoài	985.865.416.675	177.497.775.238	63.313.871.000	9.290.316.119	72.604.187.119	1.100.049.320.913
1	Dự án Phát triển thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh, Đắk Lắk - Tiểu dự án Quảng Nam, phần kết dư	68.112.025.000	0	4.460.608.000	1.580.264.000	6.040.872.000	63.651.417.000
2	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập (WB8)	40.713.725.000	20.908.722.250	5.006.893.000	957.354.000	5.964.247.000	56.615.554.250
3	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	50.497.969.992	0	4.336.105.000	1.039.351.000	5.375.456.000	46.161.864.992
4	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu Tp. Hội An, tỉnh Quảng Nam	717.545.566.434	131.303.768.361	42.412.828.000	0	42.412.828.000	806.436.506.795
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Quảng Nam	80.915.485.170	3.257.222.470		4.518.067.700	4.518.067.700	84.172.707.640
6	Dự án cải thiện môi trường đô thị Chu Lai, Núi Thành	24.281.100.654	8.632.000.000	7.097.437.000	1.184.328.419	8.281.765.419	25.815.663.654
7	Dự án Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam	3.799.544.425	13.396.062.157	0	10.951.000	10.951.000	17.195.606.582